

Bản án số: 342/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1970.

- Bị đơn: Ông Dương Tấn L, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 1990 bà Đ và ông L tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K vào ngày 07/9/2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 479/2002). Về con chung có 02 con chung tên Dương Tấn Đ1, sinh năm 1992 và Dương Thảo N, sinh năm 2005 (các con đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung tự thoả thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L đam mê cờ bạc, ngoại tình, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Thống nhất với lời trình bày của bà Đ về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung (Tài sản chung và nợ chung chưa phân chia được). Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có nhậu nhẹt gây nợ và lấy tiền trả người khác, nên phát sinh mâu thuẫn, ông L

đã chủ động hàn gắn nhiều lần trong thời gian dài nhưng không được (lý do bà Đ cương quyết không chịu hàn gắn).

Ông L không đồng ý ly hôn với bà Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[2.1.1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân bà Đ và ông L không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa bà Đ luôn thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với ông L, đồng thời ông L cũng thừa nhận đã chủ động hàn gắn với bà Đ nhiều lần nhưng không thành; nên có căn cứ xác định được bà Đ và ông L không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà Đ được ly hôn với ông L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) và khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2014 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình (Nghị quyết 01). Giấy chứng nhận kết hôn số: 479/2002 ngày 07/9/2002 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Đ và ông L không có yêu cầu trong vụ án này, nên không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24,

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số: 326). Bà **Đ** đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 51, Điều 56 LHNGĐ; khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Đ**.

- Về hôn nhân: Cho bà **Lê Thị Đ** ly hôn với ông **Dương Tấn L**.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 479/2002 ngày 07/9/2002 của **UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau** hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thị Đ** phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà **Lê Thị Đ** đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004682 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hải;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Huỳnh Hải